

Ninh Bình, ngày tháng 7 Năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 02/2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
bổ sung một số Điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Sở Xây dựng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 02/2022 như sau:

ĐV tính: Ngàn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý II năm nay so với cùng
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí, thu khác	2.507.000.000	562.558.000	22,4%	104%
1	Lệ phí	32.000.000	13.475.000	42,1%	191%
*	Lệ phí cấp phép XD	2.000.000	750.000	37,5%	19%
*	Lệ phí cấp chứng chỉ HNHDXD	30.000.000	12.725.000	42,4%	421%
2	Phí	2.200.000.000	549.083.000	25,0%	150%
*	Phí thẩm định đầu tư	2.200.000.000	549.083.000	25,0%	150%
3	Thu khác	275.000.000	-		
*	Thẩm định nhiệm vụ QH	220.000.000	-		
*	Thu khác	55.000.000	-		
II	Số phí, lệ phí, thu khác nộp NSNN	307.000.000	68.383.300	22,3%	157%
1	Lệ phí	32.000.000	13.475.000	42,1%	191%
*	Lệ phí cấp phép XD	2.000.000	750.000	37,5%	19%
*	Lệ phí cấp chứng chỉ HNHDXD	30.000.000	12.725.000	42,4%	421%
2	Phí	220.000.000	54.908.300	25,0%	150%
*	Phí thẩm định đầu tư	220.000.000	54.908.300	25,0%	150%
3	Thu khác	55.000.000	-	0,0%	
*	Phí thẩm định đồ án QH	-	-		
*	Thu khác	55.000.000	-	0,0%	
III	Số phí, thu khác được để lại	2.200.000.000			
1	Phí	1.980.000.000			
*	Phí thẩm định đầu tư	1.980.000.000	494.174.700		150%
2	Thu khác	220.000.000			
*	Thẩm định đồ án QH	220.000.000	-		
	Thu khác	-			
IV	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.429.000.000	511.250.700	21,0%	107%
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý II năm nay so với cùng
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	2.429.000.000	511.250.700	21,0%	107%
*	nguồn CCTL các năm trước còn dư chuyển sang	229.000.000	-		
*	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.200.000.000	511.250.700	23,2%	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	33.664.684.000			
I	Nguồn ngân sách trong nước	33.664.684.000	1.616.561.553	7%	125%
1	Chi quản lý hành chính	23.664.684.000	1.616.561.553	7%	131%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.217.000.000	1.616.561.553	26%	131%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	17.447.684.000	-	0%	
1.2.1	Mua sắm	39.000.000	-	0%	
1.2.2	Sửa chữa	27.000.000	-	0%	
1.2.3	Chi hoạt động đào tạo	-	-		
1.2.4	Nhiệm vụ đặc thù	1.428.000.000	-	0,0%	
*	Phòng chống lụt bão	20.000.000		0,0%	
*	Trang phục thanh tra	38.000.000		0,0%	
*	Kinh phí thực hiện CCHC	40.000.000		0,0%	
*	Kinh phí tiếp công dân, xử lý đơn thư	40.000.000		0,0%	
*	Duy trì hệ thống ISO 9001:2015	12.000.000		0,0%	
*	Duy trì trang Web	43.000.000	-	0,0%	
*	Tập chỉ số giá XD	120.000.000		0,0%	
*	XĐ đơn giá nhân công XD, lập bảng giá ca máy và thiết bị thi công XD trên địa bàn tỉnh	450.500.000		0,0%	
*	Lập bộ đơn giá XD CT trên địa bàn tỉnh	450.000.000	-	0,0%	
*	Sửa chữa mạng Lan	150.000.000	-	0,0%	
*	Kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật	30.000.000	-	0,0%	
*	Kinh phí thuê đường truyền số liệu chuyên dùng cấp 2	32.000.000	-	0,0%	
*	Duy trì phần mềm Quản lý Tsan	2.500.000	-	0,0%	
1.2.5	Nhiệm vụ tính giao quy hoạch	15.953.684.000			
*	Quy hoạch Kênh Gà Vân Trình	6.015.514.000			
*	Quy hoạch phát triển VLXD	345.000.000			
*	Điều chỉnh QH chung đô thị NB đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050	6.707.588.000	-	0,0%	
*	Quy hoạch chung đô thị gián Khẩu đến 2035, tầm nhìn đến năm 2050	598.000.000	-	0,0%	
*	Quy hoạch phát triển đô thị	1.012.582.000	-		
*	Quy hoạch phát triển nhà ở	1.275.000.000	-		
2	Chi Đầu tư XDCB	10.000.000.000			
*	Chuẩn bị ĐT: XDTHC tập trung tỉnh	10.000.000.000			